CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Cảng Đoạn Xá

Ngày 28/06/2024	12,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.4%	**-6.5%**	**3.7%**

DT thuần
Q2/24
184
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 163| 777%
YoY: ▲ 159| 622%

LN thuần
Q2/24
18.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.83| 121%
YoY: ▲ 4.50| 33.5%

LN sau thuế
Q2/24
14.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.09| 124%
YoY: ▲ 3.60| 32.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
9.9%
YoY: +/-▼ 28.9%

ROE (TTM)
Q2/24
7.0%
YoY: +/-▼ 0.4%

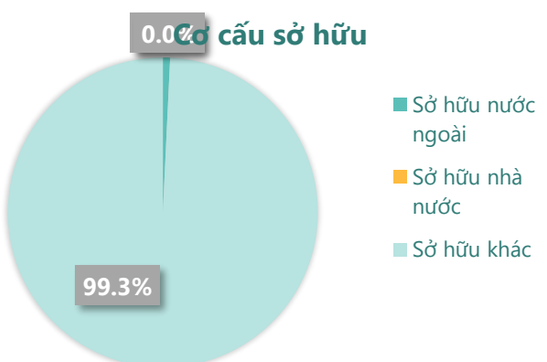
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,108 - 14,757
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	773
Số lượng CPLH (CP)	59,910,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)	719,615
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.60
EPS	933
P/E	13.8

DT thuần
6T 2024
205
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 150| 275%

LN thuần
6T 2024
26.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.70| 6.8%

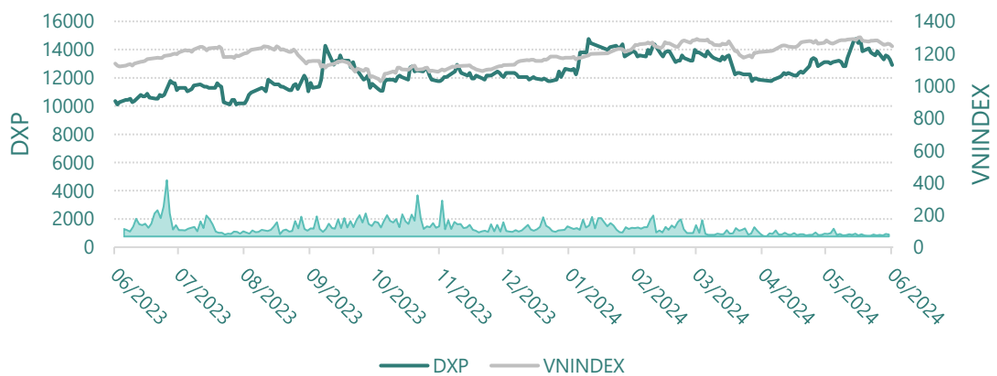
LN sau thuế
6T 2024
21.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.30| 6.5%

Cơ cấu sở hữu

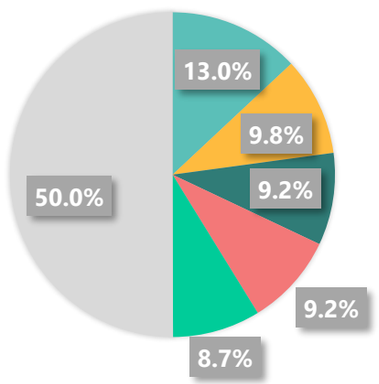


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



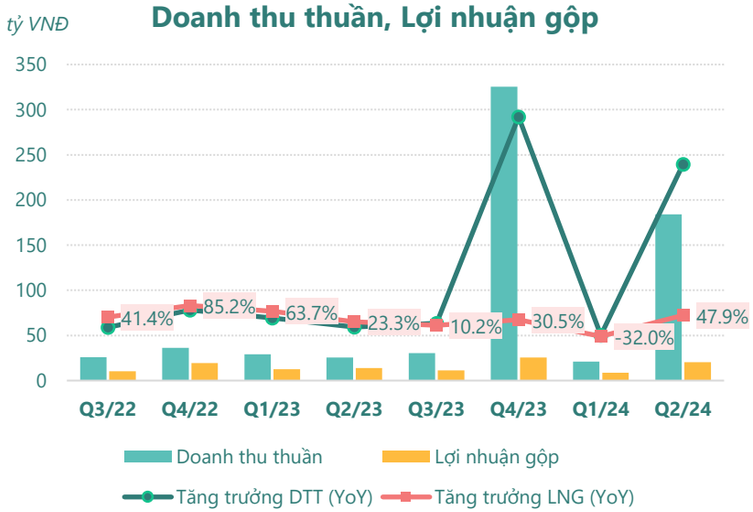
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

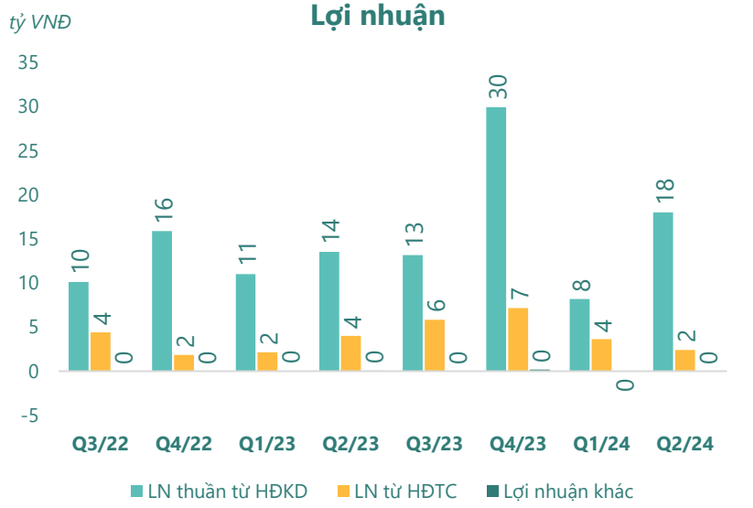
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



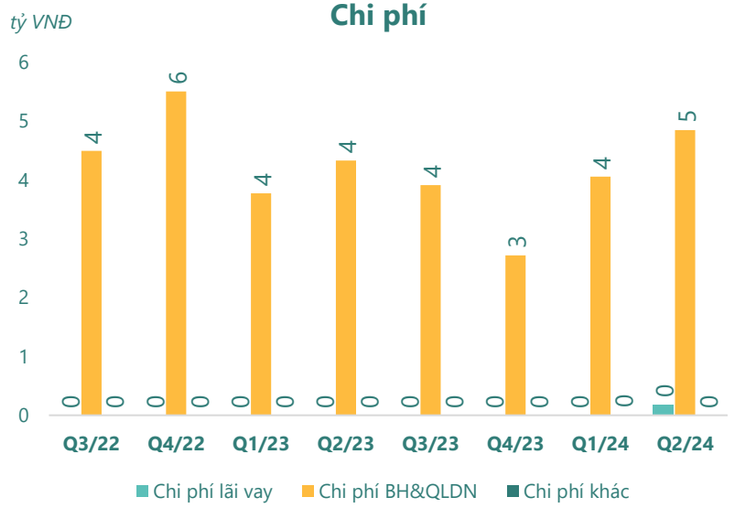
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



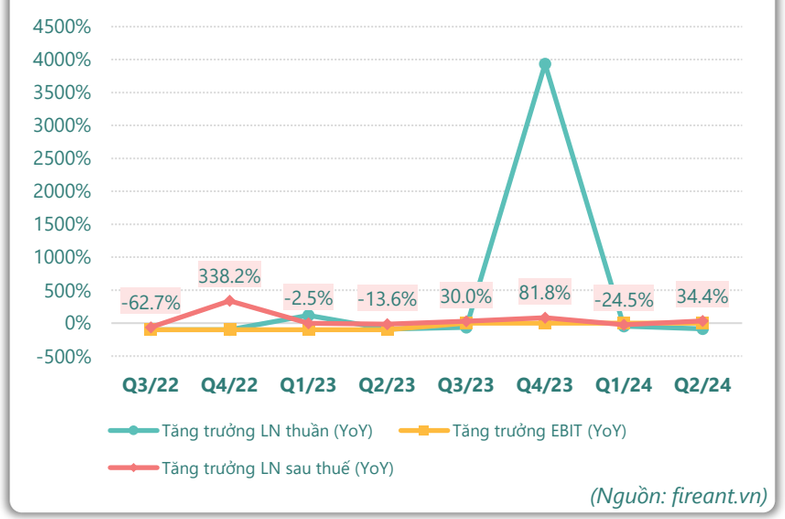
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



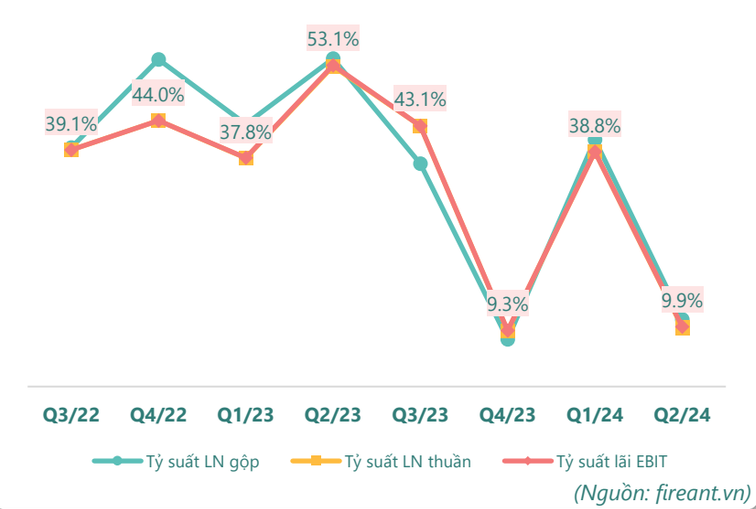
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



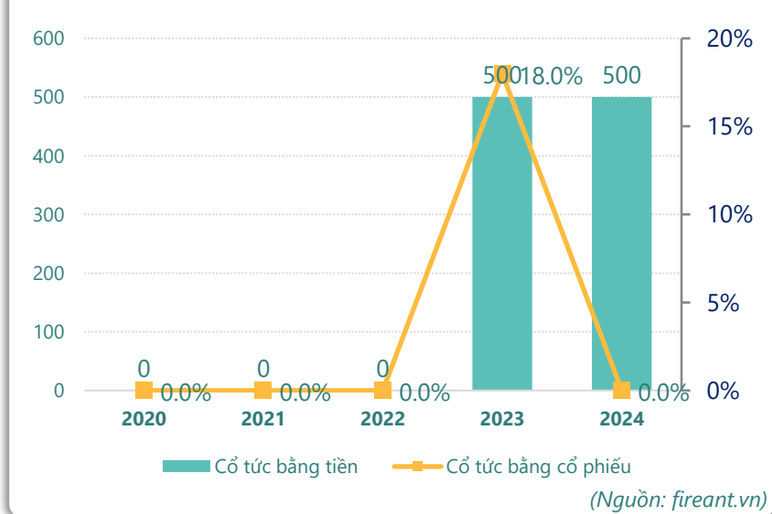
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

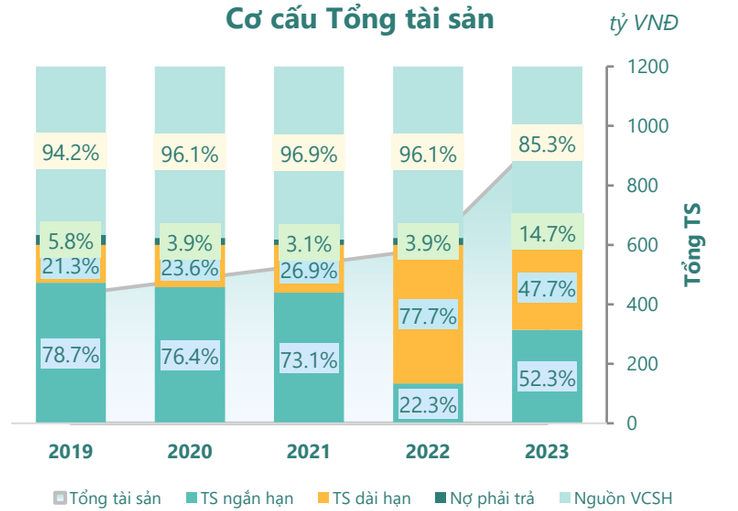
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

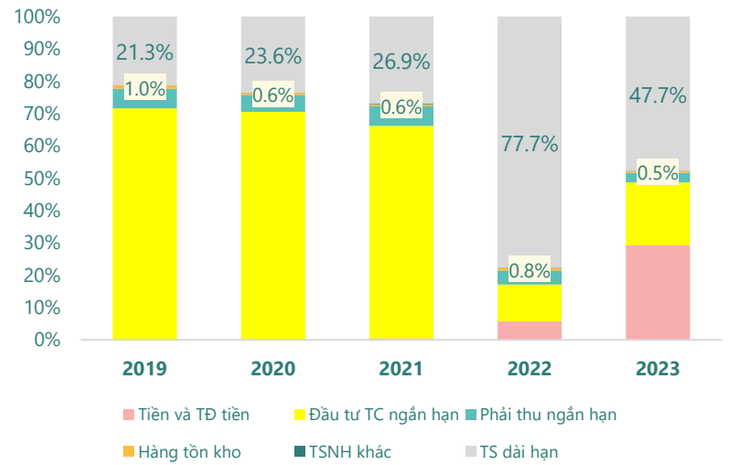
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



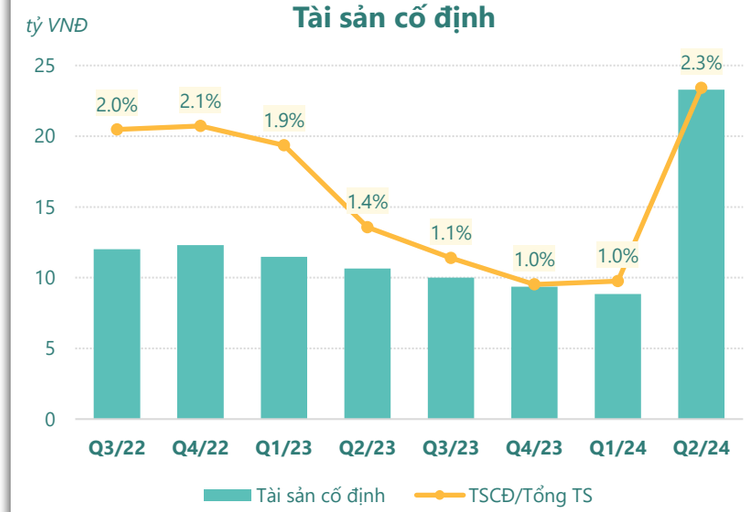
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



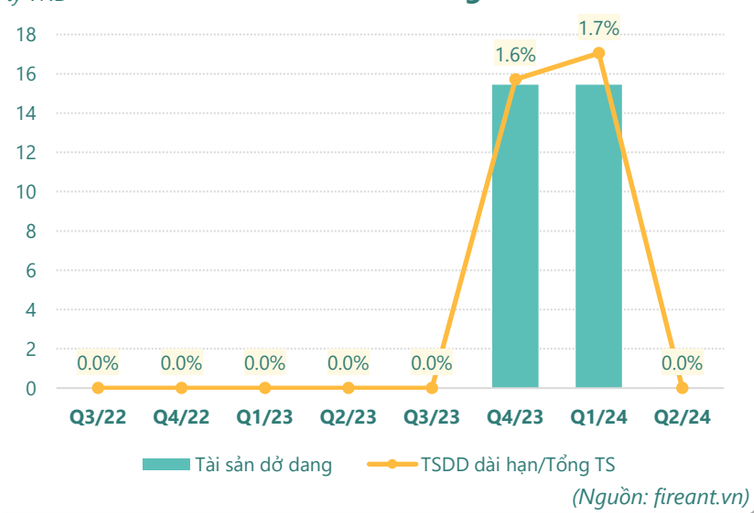
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



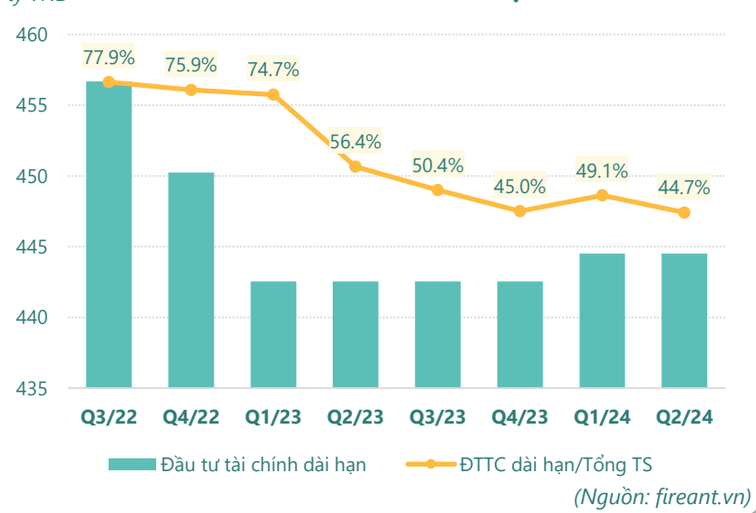
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



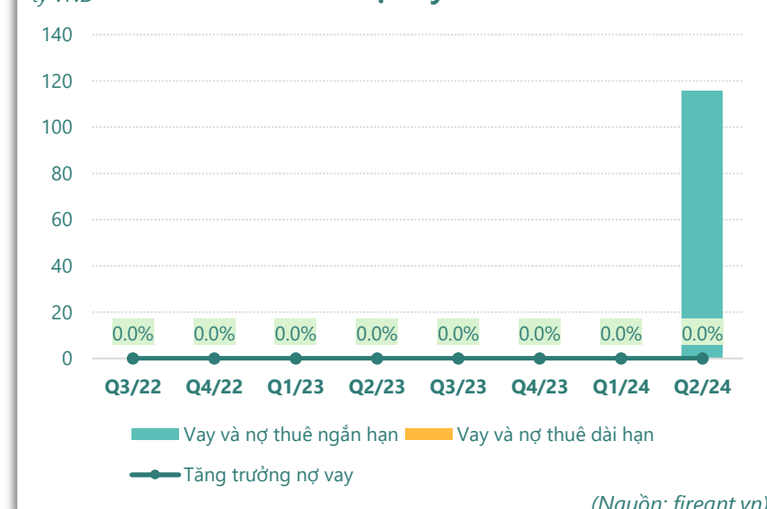
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

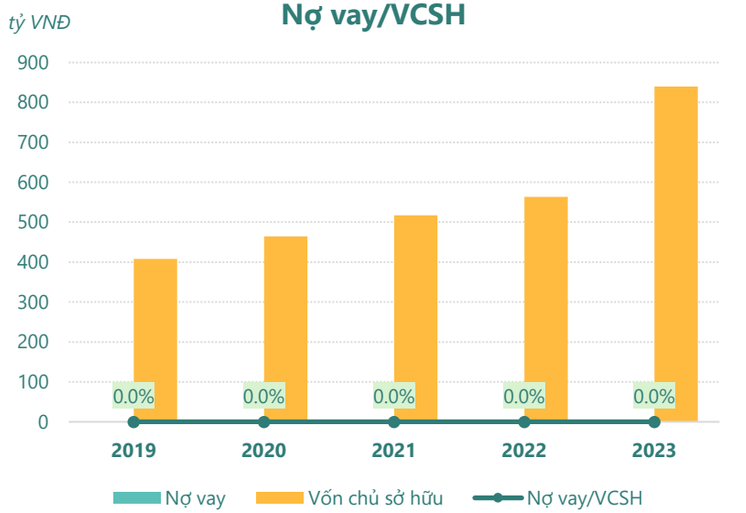
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

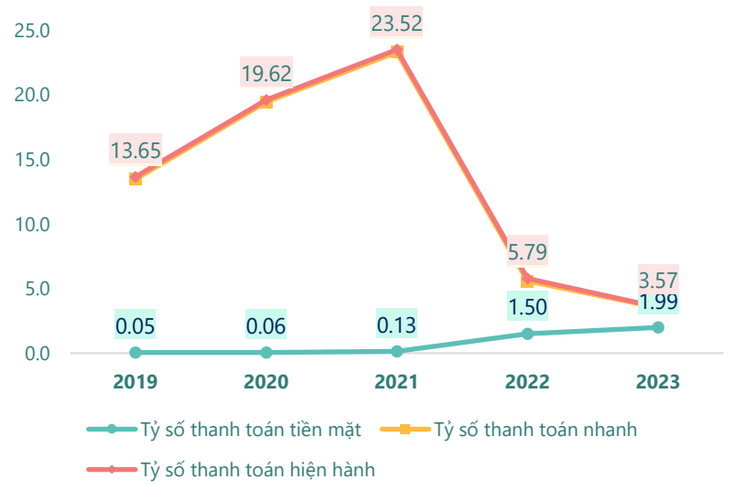
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



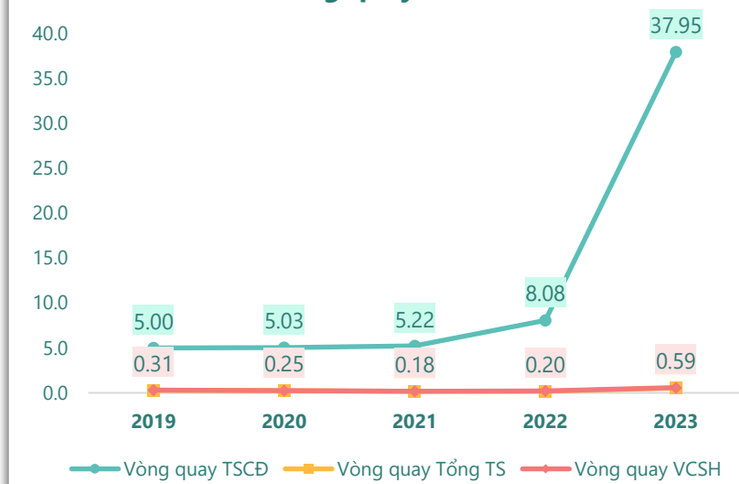
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



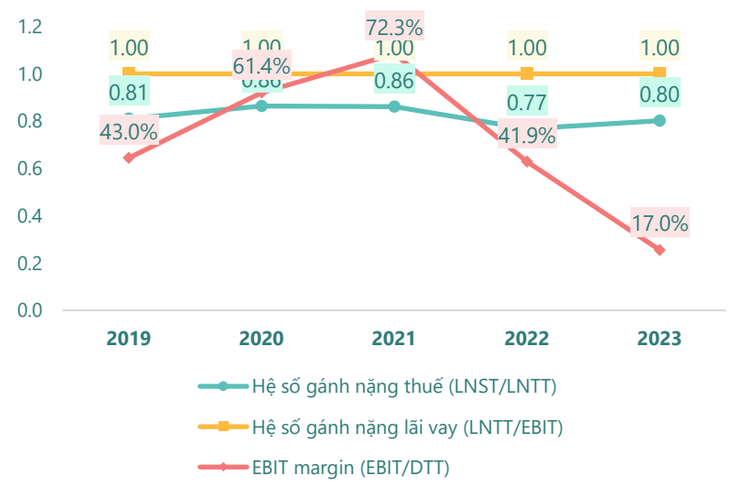
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



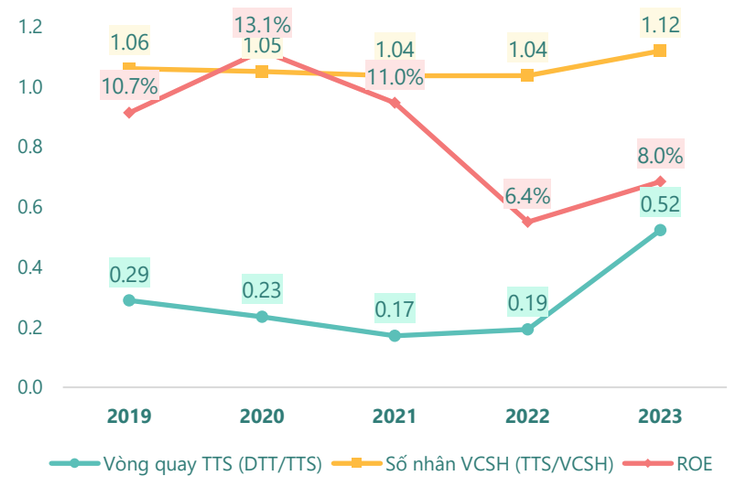
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



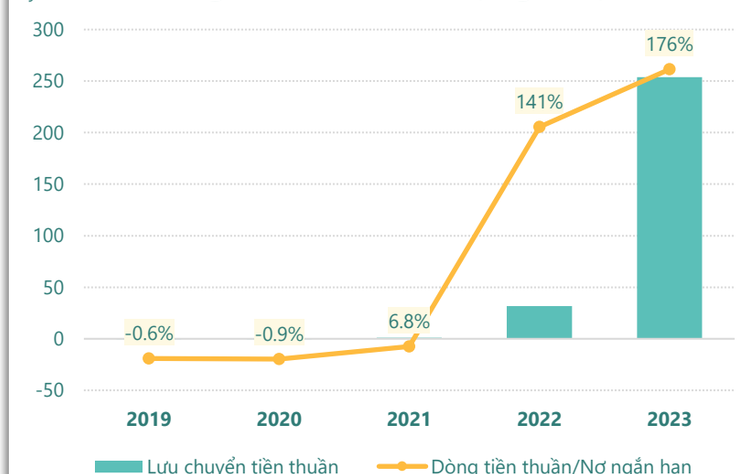
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**184**	**25.5**	**622%**	**205**	**54.7**	**275%**
Giá vốn hàng bán	164	11.7	1299%	176	28.2	525%
Lợi nhuận gộp	20.5	13.8	48.3%	29.1	26.5	9.8%
Doanh thu HĐTC	3.92	4.01	-2.1%	7.81	6.15	27.0%
Chi phí TC	1.52	0.00		1.77	0	
Chi phí lãi vay	0.18	0.00		0.18	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.07	0.00		0.07	0	
Chi phí QLDN	**4.78**	**4.33**	**10.3%**	**8.83**	**8.11**	**9.0%**
LN thuần từ HĐKD	18.0	13.5	33.5%	26.2	24.5	6.8%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.04**	**-88.3%**	**0.00**	**0.05**	**-93.8%**
LN trước thuế	18.0	13.6	32.6%	26.2	24.6	6.6%
Lợi nhuận sau thuế	**14.6**	**11.0**	**32.8%**	**21.1**	**19.8**	**6.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.6**	**11.0**	**32.8%**	**21.1**	**19.8**	**6.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.83	12.6	17.9	113	-103	-155
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-35.7	-10.2	-98.9	28.1	-25.8	20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	182	67.9	-27.2	0	116
Tiền đầu kỳ	33.9	2.06	187	173	288	159
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.9**	**184**	**-13.1**	**114**	**-129**	**-18.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.01	0	0.01
Tiền cuối kỳ	2.06	187	173	288	159	140

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**995**	**985**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	527	515	2.3%
Tiền và tương đương tiền	140	288	-51.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	204	192	6.3%
Phải thu ngắn hạn	177	29.8	494%
Hàng tồn kho	5.30	5.16	2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.60	0.67	-11.1%
Tài sản dài hạn	**468**	**470**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.3	9.35	149%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.00	15.4	-100.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	445	445	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.15**	**0.21**	**-27.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	166	144	14.6%
Nợ ngắn hạn	**166**	**144**	**14.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	116	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.34	128	-95.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**829**	**840**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**829**	**840**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	599	599	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)